

Số: 222/HALICO
V/v: Báo cáo tổng kết năm 2022
và xây dựng kế hoạch năm 2023

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Ban giám đốc Công ty CP Rượu và NGK Hà Nội (“HALICO”) xin được báo cáo kết quả thực hiện KHSXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023 như sau:

1. Tổng kết tình hình hoạt động năm 2022

Trong năm 2022 HALICO tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn đã tiếp diễn từ năm trước: Tác động kép của Luật phòng chống tác hại của bia rượu số 44/2019/QH14 ngày 14/6/2019, Nghị định 100/NĐ-CP/2019 ngày 31/12/2019 của Chính phủ qui định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt cùng đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục bùng phát.

Sau 2 năm dịch bệnh, nhu cầu tiêu dùng nội địa suy giảm, người dân tiết giảm chi tiêu, một phần hướng đến các sản phẩm rượu tự nấu, giá thành rẻ. Đồng thời thị trường du lịch đặc biệt là khách du lịch quốc tế chưa quay trở lại Việt Nam nên thị trường tiêu thụ rượu nói chung giảm đáng kể so với trước khi có dịch bệnh.

Bên cạnh đó, chi phí nguyên vật liệu, chi phí dịch vụ... tăng cao (trung bình 15%- 25% so với năm 2021) đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong điều kiện khó khăn, HALICO đã có nhiều nỗ lực, cố gắng thực hiện các chỉ tiêu năm 2022:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: 110,9 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế (lỗ): -16,6 tỷ đồng
- Tổng nộp ngân sách Nhà nước: 80,69 tỷ đồng

2. Kế hoạch SXKD năm 2023:

2.1. Đánh giá chung về thực tế SXKD:

Trong năm 2023 Công ty đang tiếp tục phải đối mặt với khó khăn và thách thức chính như sau:

- Giá cả nguyên vật liệu đầu vào tiếp tục tăng cao, dự kiến thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt tiếp tục tăng gây ảnh hưởng lớn đến giá thành sản phẩm và lợi nhuận của Công ty.

- Sức tiêu dùng tại thị trường trong nước (thị trường chính của Công ty) sụt giảm mạnh do ảnh hưởng của các đợt đại dịch Covid kéo dài. Bên cạnh đó, do thu nhập giảm nên người tiêu dùng có xu hướng sử dụng nhiều hơn các sản phẩm rẻ tiền.

- Công ty vẫn phải tiếp tục cạnh tranh với các đối thủ là các doanh nghiệp tư nhân, các đơn vị cá nhân sản xuất rượu nhỏ lẻ trốn lậu thuế.

- Chủ trương chung của Nhà nước về hạn chế sản xuất và tiêu thụ đồ uống có cồn dẫn đến tổng nhu cầu tiêu thụ trên toàn quốc tiếp tục giảm.

2.2. Một số chỉ tiêu chính của kế hoạch SXKD năm 2023:

- Doanh thu thuần (tách thuế TTĐB): 126,05 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế (lỗ): - 14,9 tỷ đồng
- Tổng nộp ngân sách Nhà nước: 93,34 tỷ đồng
- Lao động bình quân: - CBCNV: 204 người
 - Ban Điều hành và Ban KS: 04 người
- Quỹ lương: - Tiền lương CBCNV: 21,17 tỷ đồng
 - Tiền lương BDH và BKS: 1,27 tỷ đồng
- Thù lao HĐQT- BKS: 0,282 tỷ đồng

2.3. Kế hoạch thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023:

- Cân đối sản xuất phù hợp với tình hình diễn biến thực tế kinh doanh tiêu thụ và đảm bảo lượng thành phẩm tồn kho tối thiểu.

- Thực hiện các giải pháp chính liên quan đến công tác bán hàng như:

+ Hoàn thiện cơ cấu tổ chức khối kinh doanh để có chiến lược, áp dụng các cơ chế khuyến khích, các chính sách triển khai công tác bán hàng hiệu quả, tăng thị phần và doanh thu bán hàng.

+ Rà soát, đánh giá lại mạng lưới nhà phân phối và đội ngũ nhân viên bán hàng.

+ Chăm sóc, phát triển kênh bán hàng siêu thị: từ Công ty bán hàng trực tiếp và các nhà phân phối bán cho kênh siêu thị.

+ Tăng cường kiểm soát việc thực hiện các chính sách bán hàng.

+ Phát triển kênh thương mại điện tử.

+ Khôi phục và tìm kiếm các thị trường xuất khẩu mới, tập trung vào thị trường Châu Á và Châu Âu.

- Đối với phát triển sản phẩm mới: phát triển dòng rượu màu nhẹ độ phục vụ công tác quảng bá và đa dạng hoá sản phẩm.

- Rà soát tiết giảm các chi phí không cần thiết để tập trung nguồn lực cho công tác bán hàng, quảng bá thương hiệu.

- Đẩy mạnh việc gia công sản phẩm đồ uống phục vụ thị trường tiêu thụ

(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 205/HALICO ngày 24/03/2023)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban GD
- Lưu.



GIÁM ĐỐC

Trân Hậu Cường

Công ty cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 222/HALICO ngày 29/3/2023)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện Năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ TH 2022 so với KH năm	Tỷ lệ KH 2023 so với TH 2022
						%	%
	A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/2
1	Doanh thu bán hàng và CCDV (bao gồm thuế TTDB)	Tỷ đồng	200,53	185,49	215,36	92,5%	116,10%
2	Doanh thu bán hàng và CCDV (không bao gồm thuế TTDB)	Tỷ đồng	126,30	119,57	136,05	94,7%	113,78%
3	Các khoản giảm trừ doanh thu	Tỷ đồng	12,74	8,67	10,00	68,0%	115,37%
3.1	Hàng bán bị trả lại	"		-			
3.2	Chiết khấu TM	"	12,74	8,67	10,00	68,0%	115,37%
4	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (=2-3)	"	113,56	110,90	126,05	97,7%	113,66%
5	Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	88,49	83,29	91,82	94,1%	110,25%
6	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (=4-5)	Tỷ đồng	25,07	27,61	34,22	110,2%	123,93%
7	Doanh thu hoạt động tài chính		4,95	5,94	5,47	120%	91,93%
8	Chi phí tài chính	"	0,05	0,01	0,05		
	Trong đó: Chi phí lãi vay	"	0,05	0,00	0,05	7,0%	1434,75%
9	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	32,35	28,71	34,65	88,8%	120,69%
10	Chi phí quản lý DN	Tỷ đồng	20,77	20,72	19,89	99,7%	96,00%
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD (=6+7-8-9-10)	Tỷ đồng	-23,15	-15,88	-14,90	68,6%	93,83%
12	Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,30	0,80		266,0%	0,00%
13	Chi phí khác	"	0,13	1,55			0,00%
14	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,17	-0,75	0,00	-439,9%	0,00%
15	Lợi nhuận trước thuế (=11+14)	"	-22,98	-16,63	-14,90	72,4%	89,61%

2245
CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
TRUNG

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện Năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ TH 2022 so với KH năm	Tỷ lệ KH 2023 so với TH 2022
						%	%
	<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	$4=2/1$	$5=3/2$
16	Tổng nộp ngân sách	Tỷ đồng	95,65	80,69	93,34	84,4%	115,68%
17	Quỹ lương	Tỷ đồng	22,35	20,57	22,44	92,1%	
17.1	- Tiền lương CBCNV	"	21,27	19,68	21,17	92,5%	107,58%
17.2	- Tiền lương BĐH & BKS	"	1,08	0,89	1,27	83,2%	141,48%
18	Các khoản chi mang tính phúc lợi (đã bao gồm ban điều hành)	"	1,86	1,72	1,87	92,4%	108,60%
19	Lao động bình quân	Người	209	206	208	98,3%	101,22%
19.1	- CBCNV	"	205	202	204	98,3%	101,24%
	Trong đó:						
	- Gián tiếp		27	27	26	99,7%	96,59%
	- Nhà máy+kho		69	69	63	99,6%	91,64%
	- khối Kinh Doanh+Chi nhánh		109	106	115	97,1%	108,66%
19.2	- BĐH & BKS	"	4	4	4	100,0%	100,00%
20	Thu nhập bình quân CBCNV/tháng	Tr/Ng/Th	8,65	8,85	9,37	102,4%	105,81%

